

I. MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1. Một số yếu tố thống kê và xác suất (13 tiết)	1.Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu	3	2		1					22,5
		2. Biểu đồ cột kép	1								2,5
		3.Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản	2			1					10
		4. Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản	2			1		1			15,0
2	Chủ đề 2. Phân số (14 tiết)	1.Phân số. Tính chất cơ bản của phân số	1			2		1			17,5
		2. Phép cộng, trừ, nhân, chia phân số; Hỗn số; So sánh phân số, hỗn số dương.	1			1		3		1	27,5
		3.Số thập phân, so sánh số thập phân.	2								5
Tổng			12	2		6		5		1	26
Tỉ lệ %			40%		30%		25%		5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Một số yếu tố thống kê và xác suất	Nội dung 1. Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu	Nhận biết – Nhận biết được dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản; dữ liệu dạng biểu đồ tranh, biểu đồ cột.	3TN C1,2,3 1TL C16a,b			
			Thông hiểu – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh.		1TL C16c		
		Nội dung 2. Biểu đồ cột kép	Nhận biết – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).	1TN C4			
		Nội dung 3. Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản	Nhận biết – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6.	2TN C5,6			
			Thông hiểu – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).		1TL C17a		
		Nội dung 4. Xác suất thực nghiệm trong một số trò	Nhận biết – Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản	2TN C7,8			

		chơi và thí nghiệm đơn giản	(ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).				
			Thông hiểu – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.		1TL C17b		
			Vận dụng Tính xác suất thực trong một số trò chơi			1TL C17c	
2	Chủ đề 2. Phân số	Nội dung 1. Phân số. Tính chất cơ bản của phân số	Nhận biết – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau	1TN C9			
			Thông hiểu – Hiểu được cách rút gọn một phân số tối giản.		2TL C13a,b		
			Vận dụng – Biết cách quy đồng mẫu nhiều phân số.			1TL C13c	
		Nội dung 2. Cộng, trừ, nhân, chia phân số; So sánh phân số	Nhận biết – Nhận biết được cách chia hai phân số.	1TN C10			
			Thông hiểu -Thông hiểu quy tắc cộng, trừ, nhân, chia vào giải toán.		1TL C14a	1TL C14b	
			Vận dụng -Vận dụng quy tắc cộng,			2TL C15a,b	

			trừ, nhân, chia vào giải toán.				
			Vận dụng cao -So sánh phân số				1 TL C18
		Nội dung 3. Số thập phân	Nhận biết – Nhận biết được cách viết phân số dưới dạng số thập phân.	2TN C11,12			
Tổng				14	6	5	1
Tỉ lệ %				40%	30%	25%	5%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và dùng bút chì đen tô kín một ô tròn tương ứng phương án trả lời đúng trong phiếu trả lời trắc nghiệm.*

Câu 1. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào chưa hợp lí ? Thủ đô của các nước Châu Á là :

- A. Hà Nội. B. Viêng Chăn. **C. Paris.** D. Seoul.

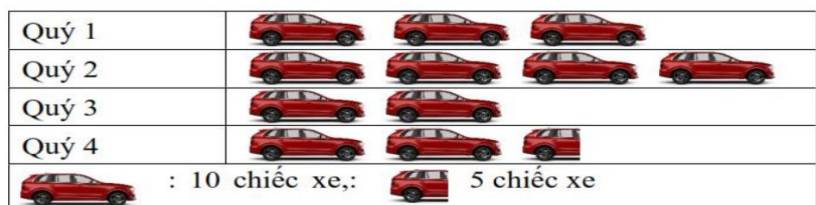
Câu 2. Thống kê điểm kiểm tra môn Toán cuối Học kì I của lớp 6A ở bảng sau:

Điểm	10	9	8	7	6	5	4
Số học sinh	2	4	4	10	8	8	4

Theo bảng thống kê trên, số bạn đạt từ điểm 8 đến điểm 10 là:

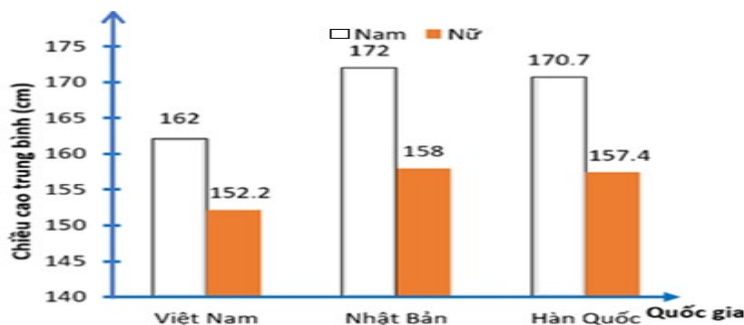
- A. 6 bạn. B. 8 bạn. **C. 10 bạn .** D. 40 bạn.

Câu 3. Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý của năm 2024 được biểu diễn theo biểu đồ tranh (hình bên). Tổng số xe bán được trong bốn quý là:



- A. 11 chiếc. B. 110 chiếc. **C. 115 chiếc.** D. 12 chiếc.

Câu 4. Chiều cao trung bình của nam và nữ ở một số quốc gia châu Á được biểu diễn theo biểu đồ cột kép (hình bên). Ở Nhật Bản trung bình nam giới cao hơn nữ giới là:



- A. 172 cm.
B. 14 cm.
C. 158 cm.
D. 15 cm.

Câu 5. Gieo xúc xắc một lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia 3 dư 1 là:

- A. {mặt 1 chấm; mặt 4 chấm}.** B. {mặt 1 chấm; mặt 2 chấm}.
C. {mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm}. D. {mặt 1 chấm; mặt 5 chấm}.

Câu 6. Một hộp có 3 quả bóng, trong đó có 1 quả bóng xanh (X), 1 quả bóng đỏ (Đ), 1 quả bóng vàng (V), các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ra ngẫu nhiên 1 quả bóng từ trong hộp. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của quả bóng được lấy ra là:

- A. {X; Đ; V}.** B. {X}. C. {Đ}. D. {V}.

Câu 7. Nếu tung một đồng xu 24 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng:

- A. $\frac{8}{5}$. **B. $\frac{5}{8}$.** C. $\frac{3}{8}$. D. 15 .

Câu 8. Một xạ thủ bắn 150 viên đạn vào bia, trong đó có 36 lần bắn trượt. Xác suất thực nghiệm xuất hiện số lần bắn trúng bằng:

- A. $\frac{6}{25}$. **B. $\frac{19}{25}$.** C. $\frac{6}{19}$. D. $\frac{25}{19}$.

Câu 9. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

A. $\frac{12}{0}$.

B. $\frac{-4}{5}$.

C. $\frac{-3}{0,25}$.

D. $\frac{4,4}{3,5}$.

Câu 10. Ba bạn tham gia một cuộc thi chạy tiếp sức. Bạn thứ nhất cần phải chạy $\frac{3}{8}$ quãng đường, bạn thứ hai cần phải chạy $\frac{1}{4}$ quãng đường. Hỏi bạn thứ ba cần chạy bao nhiêu phần quãng đường để về đến đích?

A. $\frac{3}{8}$.

B. $\frac{1}{2}$.

C. $\frac{1}{3}$.

D. $\frac{5}{8}$.

Câu 11. Viết phân số $\frac{-231}{100}$ dưới dạng số thập phân ta được

A. - 0,0231.

B. - 0,231.

C. - 2,31.

D. -23,1.

Câu 12. Số thập phân bé hơn -1,25 là

A. -1,24.

B. -1,26.

C. -1,2.

D. 1,15.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu 13. (1,50 điểm)

a) Hai phân số $\frac{-12}{28}$ và $\frac{9}{-21}$ có bằng nhau không? Vì sao?

b) Rút gọn phân số sau về phân số tối giản: $\frac{-84}{-132}$

c) Tìm x , biết: $\frac{6}{3x-4} = \frac{3}{-5}$

Câu 14. (1,00 điểm) Tính một cách hợp lí:

a) $\frac{-7}{19} + \frac{5}{6} - \frac{12}{19}$

b) $\frac{-3}{5} : \frac{7}{3} - \frac{3}{5} : \frac{7}{4} + 1\frac{3}{5}$

Câu 15. (1,00 điểm) Hai vòi nước cùng chảy vào một bể cạn không có nước. Nếu chỉ mở riêng vòi thứ nhất thì sau 2 giờ sẽ đầy bể, còn nếu chỉ mở riêng vòi thứ hai thì sau 6 giờ sẽ đầy bể. Hỏi:

a) Trong một giờ, mỗi vòi chảy riêng thì được bao nhiêu phần của bể?

b) Nếu mở chung cả hai vòi cùng chảy ngay từ đầu thì sau bao lâu sẽ đầy bể?

Câu 16. (1,50 điểm) Biểu đồ tranh (hình bên) biểu diễn số học sinh lớp 6A thích chơi các môn thể thao.

a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh thích chơi đá bóng?

b) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

c) Tính tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông và tổng số học sinh cả lớp 6A.

Môn thể thao	Số học sinh
Cầu lông	   
Nhảy dây	 
Đá bóng	     
Bóng rổ	  
(Mỗi  biểu diễn 3 học sinh)	

Câu 17. (1,50 điểm) Gieo một xúc xắc 40 lần liên tiếp, ta được kết quả ở bảng sau?

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	4	5	10	6	7	8



a) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo.

b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm.

c) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.

Câu 18. (0,50 điểm) Cho $A = \frac{2023}{2024} + \frac{2024}{2025} + \frac{2025}{2026}$ và $B = \frac{2023 + 2024 + 2025}{2024 + 2025 + 2026}$. So sánh A và B?

- HẾT -

(Đề có 02 trang; Học sinh không được sử dụng tài liệu; Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN TOÁN lớp 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	C	B	A	A	B	B	B	A	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
13a	Hai phân số $\frac{-12}{28}$ và $\frac{9}{-21}$ có bằng nhau không ? Vì sao ?	0,50
	Ta có: $-12 \cdot (-21) = 9 \cdot 28 (= 252)$	0,25
	Do đó: $\frac{-12}{28} = \frac{9}{-21}$	0,25
13b	Rút gọn phân số sau về phân số tối giản : $\frac{-84}{-132}$	0,50
	Ta có: $ƯCLN(84,132) = 12$	0,25
	Do đó: $\frac{-84}{-132} = \frac{84:12}{132:12} = \frac{7}{11}$	0,25
13c	Tìm x, biết : $\frac{6}{3x-4} = \frac{3}{-5}$	0,50
	$(3x - 4) \cdot 3 = 6 \cdot (-5)$ $(3x - 4) \cdot 3 = -30$	0,25
	$3x - 4 = -30 : 3$ $3x = -10 + 4$ $x = -6 : 3$ $x = -2$	0,25
14a	Tính một cách hợp lí $\frac{-7}{19} + \frac{5}{6} - \frac{12}{19}$	0,50
	$= \left(\frac{-7}{19} - \frac{12}{19} \right) + \frac{5}{6} = \frac{-19}{19} + \frac{5}{6}$	0,25
	$= -1 + \frac{5}{6} = \frac{-6+5}{6} = \frac{-1}{6}$	0,25
14b	Tính một cách hợp lí $\frac{-3}{5} : \frac{7}{3} - \frac{3}{5} : \frac{7}{4} + 1\frac{3}{5}$	0,50
	$= \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} - \frac{3}{5} \cdot \frac{4}{7} + \frac{8}{5}$ $= \frac{-3}{5} \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7} \right) + \frac{8}{5}$	0,25
	$= \frac{-3}{5} + \frac{8}{5}$ $= 1$	0,25
15	Hai vòi nước cùng chảy vào một bể nước cạn không có nước. Nếu mở riêng vòi thứ nhất thì sau 2 giờ sẽ đầy bể, còn nếu mở riêng vòi thứ hai thì sau 6 giờ sẽ đầy bể. Hỏi: a) Trong một giờ, mỗi vòi chảy riêng thì được bao nhiêu phần của bể?	1,00

	b) Nếu mở chung cả hai vòi cùng chảy ngay từ đầu thì sau bao lâu sẽ đầy bể?	
15a	Trong 1 giờ, vòi thứ nhất chảy được số phần bể là: $1:2 = \frac{1}{2}$ (bể)	0,25
	Trong 1 giờ, vòi thứ hai chảy được số phần bể là: $1:6 = \frac{1}{6}$ (bể)	0,25
15b	Trong một giờ cả hai vòi cùng chảy thì được số phần bể là: $\frac{1}{2} + \frac{1}{6} = \frac{2}{3}$ (bể)	0,25
	Thời gian để cả hai vòi cùng chảy đến khi đầy bể là: $1:\frac{2}{3} = \frac{3}{2}$ (giờ)	0,25
16	Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số học sinh lớp 6A thích chơi các môn thể thao. a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh thích chơi đá bóng ? b) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh ? c) Tính tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông so với tổng số học sinh cả lớp 6A.	1,50
16a	Số học sinh thích chơi đá bóng là: $6.3 = 18$ (học sinh)	0,50
16b	Lớp 6A có: $(4 + 2 + 6 + 3). 3 = 45$ (học sinh)	0,50
16c	Số học sinh thích chơi cầu lông : $4. 3 = 12$ (học sinh)	0,25
	Tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông so với tổng số học sinh cả lớp 6A: $\frac{12}{45} = \frac{4}{15}$	0,25
17	Gieo một xúc xắc 40 lần liên tiếp, ta được kết quả ở bảng sau? a) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo. b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm. c) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.	1,50
17a	Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo là {mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm; mặt 6 chấm}	0,50
17b	Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm là: $\frac{8}{40} = \frac{1}{5}$	0,50
17c	Mặt có số chấm là số nguyên tố là: mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 5 chấm	0,25
	Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố là: $\frac{5 + 10 + 7}{40} = \frac{11}{20}$	0,25
18	Cho $A = \frac{2023}{2024} + \frac{2024}{2025} + \frac{2025}{2026}$ và $B = \frac{2023 + 2024 + 2025}{2024 + 2025 + 2026}$. So sánh A và B ?	0,50
	Ta có $2023 + 2024 + 2025 < 2024 + 2025 + 2026$ nên $B < 1$	0,25
	$A = \frac{2023}{2024} + \frac{2024}{2025} + \frac{2025}{2026} > \frac{2023}{2024} + \frac{2025}{2026} > \frac{1012}{2024} + \frac{1013}{2026} = \frac{1}{2} + \frac{1}{2} = 1$ Do đó $A > B$	0,25